

## HỘI LUẬN – FORUM : “Thông tin - Thư viện” tại Viện Thông tin Khoa học Xã hội

Hà Nội, 24/3/2005

Ngày 24/3/2005, Viện Thông tin Khoa học Xã hội đã tổ chức một cuộc Hội luận về Thông tin - Thư viện tại cơ sở 26, Lý Thường Kiệt cho toàn thể nhân viên của Viện và một số cơ quan khác trên địa bàn Hà Nội. ThS. Nguyễn Minh Hiệp, GD Thư viện ĐH Khoa học Tự nhiên TP. HCM được mời với tư cách là báo cáo viên chính cho cuộc hội luận. Nhiều vị khách cũng được mời đến tham dự, trong đó có Ông Nguyễn Như Kim, Hội trưởng Hội Thông tin - Tư liệu Việt Nam.



Năm vấn đề được đặt ra tại cuộc hội luận. Ông Nguyễn Minh Hiệp lần lượt trình bày với một quan điểm hiện đại và những thông tin được cập nhật:

1. Giá trị mới của Thông tin - Thư viện
2. Vai trò của CNTT và truyền thông (ITC) trong hoạt động Thông tin - Thư viện
3. Vai trò của MARC trong giai đoạn truyền thông đa phương tiện hiện nay
4. Xây dựng Thư viện số là điều cần thiết và việc áp dụng phần mềm

- nguồn mở của UNESCO để xây dựng Thư viện số là cơ hội cho tất cả các thư viện Việt Nam hiện nay
5. Một vài nét về việc ứng dụng CNTT tại các thư viện phía Nam

### 1. Giá trị mới của Thông tin - Thư viện.

Mở đầu phần trình bày, báo cáo viên nhắc lại câu nói của Bà Sharon White, nguyên Phó Tổng lãnh sự Mỹ tại TP. HCM trong cuộc hội thảo của FESAL ở Huế vào ngày 18/6/2003: “*Thư viện có*

*truyền thống là người giữ gìn quá khứ, nhưng ngày nay, ngày mỗi ngày thư viện là đường dẫn đến tương lai”* để nhấn mạnh sự thay đổi quan trọng về quan niệm và vai trò thư viện ngày nay. Qua đó cho chúng ta thấy công tác và nghiệp vụ thư viện cũng được đổi mới để nâng cao hiệu quả phục vụ cũng như để đáp ứng nhu cầu thông tin ngày càng cao của người sử dụng. Báo cáo viên minh họa sự đổi mới này bằng cách trình bày ba giai đoạn phát triển từ quản lý tư liệu, quản lý thông tin đến quản lý tri thức. Việc đánh giá công tác cũng như quy mô thư viện cũng phải được xem xét lại cho phù hợp với giá trị mới của thư viện. Để khép lại phần trình bày thứ nhất, báo cáo viên nhắc lại hai câu nói của GS. Robert Stueart, nguyên Hiệu trưởng trường Cao học Khoa học Thông tin - Thư viện, ĐH Simmons, Hoa Kỳ: *“Giá trị thư viện không phải ở chỗ thư viện có bao nhiêu tài nguyên thông tin mà thư viện đáp ứng yêu cầu thông tin một cách hiệu quả như thế nào từ rất nhiều nguồn khắp nơi thông qua công nghệ mới”* và *“Trước đây thư viện là nơi tập trung thông tin chờ người đến sử dụng, nhân viên thư viện đóng vai trò thụ động của người ‘thủ thư’; Ngày nay thư viện là nơi đáp ứng tức thì mọi yêu cầu thông tin cho người sử dụng, nhân viên thư viện đóng vai trò chủ động của người cung cấp thông tin.* Đặc biệt báo cáo viên nhấn mạnh vai trò quan trọng của Dịch vụ tham khảo – Reference Services và minh họa hoạt động hiệu quả của dịch vụ này tại Thư viện ĐH Khoa học Tự nhiên TP. HCM với việc sử dụng công nghệ mới để tái đóng gói thông tin phục vụ rộng rãi mọi đối tượng độc giả trên địa bàn TP. HCM hiện nay.

## **2. Vai trò của CNTT và truyền thông (ITC – Information Technology and Communication).**

Để minh họa vai trò vô cùng quan trọng của ITC đối với ngành thông tin - thư viện, báo cáo viên đã trình bày hai điểm mốc trong quá trình phát triển thông tin - thư viện đó là sự ứng dụng máy tính trong thập niên 1960 và sự ra đời của thư viện số vào cuối thập niên 1990. Tuy nhiên để mở đầu Phần hai, báo cáo viên lại điểm qua những sự kiện chính về việc phát triển ITC có liên quan đến ngành Thông tin - Thư viện:

- 1965 – Thư viện Quốc hội Hoa Kỳ: Phát triển MARC I
- 1968 – Thư viện Quốc hội Hoa Kỳ: Phát triển MARC II rồi USMARC
- 1970 – IFLA phát triển UNIMARC, nhưng không được Hoa Kỳ và các quốc gia nói tiếng Anh khác ủng hộ
- 1970 - 1980 – MARC quốc gia ra đời: UKMARC, AUSMARC, INTERMARC, SINGMARC,...
- 1969 – Nelson & Van Dam biên soạn hypertext editor tại Brown
- 1976 – Architecture Machine Group đề xuất dự án DARPA: Đa phương tiện
- 1983 – Backer cho ra đời Sách điện tử
- 1989 – Tim Berners-Lee dự thảo the World Wide Web cho CERN (European Council for Nuclear Research)
- 1993 – ĐH. Illinois phát triển trình duyệt Web đầu tiên Mosaic
- 1994 – Jim Clark và Marc Anderson phát triển trình duyệt Web Netscape
- 1995 – Hội nghị DCMI (Dublin Core Metadata Initiative) cho ra đời Chuẩn biên mục Dublin Core Metadata

- 1996 – Microsoft phát triển trình duyệt Web Internet Explorer
- 2001 – Dự án Thư viện số New Zealand phát triển Phần mềm nguồn mở Thư viện số Greenstone. Hiệp hội tiêu chuẩn Hoa Kỳ ANSI công nhận Dublin Core là Chuẩn biên mục chính thức
- 2002 – Terry Reese phát triển Phần mềm MarcEdit tại ĐH Oregon, Hoa Kỳ nhằm chuyển đổi MARC – Dublin Core và Dublin Core – MARC

Ngày nay vai trò ITC đã trở nên thiết yếu trong cuộc cách mạng thông tin với kỹ thuật số đã đáp ứng nhu cầu chưa từng có về lưu trữ, tổ chức, và truy cập thông tin. Mọi nghiên cứu phát triển ngành thông tin - thư viện không nằm ngoài những nghiên cứu ứng dụng ITC. Do đó người cán bộ thông tin - thư viện chỉ có con đường này để tiến xa hơn trong nghề nghiệp cũng như học thuật. Đó là lý do trên thế giới việc đào tạo thông tin - thư viện được giao cho CNTT. Chẳng hạn như Khoa Quản lý thông tin, Trường ĐH Tin học, ĐH Brighton, Anh Quốc và Khoa Thông tin học, Trường Truyền thông và thông tin, ĐH Công nghệ Nanyang, Singapore.

ITC trở thành một nghiệp vụ của ngành thông tin - thư viện và công nghệ Web trở thành công nghệ chủ đạo của người làm công tác thông tin - thư viện – có người gọi người quản thủ thư viện là *webrarian* thay cho *librarian*.

### **3. Vai trò của MARC trong giai đoạn truyền thông đa phương tiện.**

Như trên đã trình bày, việc sử dụng máy tính trong hoạt động thư viện đã làm thay đổi rộng lớn công tác biên mục. Ban đầu thay vì Thư viện Quốc hội Hoa Kỳ cung cấp phiếu mục lục cho các thư viện thì khi sử

dụng máy tính họ chỉ cung cấp các biểu ghi trên băng từ, các thư viện nhận băng từ, download dữ liệu, và tự in thành phiếu mục lục. Việc sử dụng máy tính như thế đòi hỏi phát sinh ra một chuẩn thư tịch mà máy tính đọc được, chuẩn này ban đầu được gọi là MARC I về sau cải tiến thành MARC II, rồi USMARC. Công việc trao đổi biểu ghi như thế này thật là thuận tiện cho việc in phiếu mục lục và về sau khi việc ứng dụng tin học phát triển, hệ thống mục lục trực tuyến thay thế hệ thống phiếu mục lục, chuẩn MARC tỏ ra rất phù hợp. Các quốc gia trên thế giới theo chân Hoa Kỳ phát minh ra hàng loạt MARC quốc gia. Về sau khi vấn đề xuất bản mang tính toàn cầu, có yêu cầu cần thống nhất chuẩn MARC cho nên UNIMARC của IFLA ra đời, tuy nhiên Hoa Kỳ, quốc gia có nguồn tài nguyên thông tin đồ sộ và hệ thống xuất bản bao trùm thế giới đã không chấp nhận UNIMARC do đó các quốc gia nói tiếng Anh khác dần dần bỏ MARC quốc gia để sử dụng USMARC. Để mang tính toàn cầu, USMARC kết hợp với CANMARC của Canada tạo nên MARC 21.

Biểu ghi thư tịch MARC bao gồm quá nhiều chi tiết phức tạp nhưng chỉ trao đổi biểu ghi dạng lý lịch tài liệu (bibliography – thư tịch). Muốn trao đổi toàn văn và đa phương tiện thì biểu ghi thư tịch MARC phải chuyển sang dạng siêu dữ liệu thư tịch MARC với ngôn ngữ đóng gói XML, trở thành MARC-XML. Một nghịch lý là nếu trao đổi theo dạng XML này thì dữ liệu không đòi hỏi phải chi tiết đến độ không cần thiết như những biểu ghi MARC chuyển sang MARC-XML. Đó là lý do trên thế giới có nhiều thư viện chỉ dùng hình thức XML để tổ chức dữ liệu mà không quan tâm đến MARC, chẳng hạn như hệ thống thư viện lớn thứ hai

nước Mỹ, Thư viện Quốc gia Y học Hoa Kỳ sử dụng phương thức này.

Trong khi MARC quá phức tạp với 800 trường mô tả thì Dublin Core là một tập hợp chỉ có 15 thành phần metadata được thiết kế đặc biệt cho việc sử dụng không chuyên. Được dùng chủ yếu cho việc mô tả tài liệu điện tử. Đây là kết quả của một sự hợp tác nhiều người cùng xây dựng. Dublin là tên của thành phố ở Bang Ohio, Hoa Kỳ, nơi cuộc họp đầu tiên được tổ chức vào năm 1995. Từ đó đến nay đã có 12 lần hội nghị quốc tế tổ chức tại Anh, Úc, Phần Lan, Đức, Canada, Nhật, Trung Quốc và Hoa Kỳ để hoàn thiện. Dublin Core được Tổ chức Chuẩn Quốc gia Hoa Kỳ - ANSI phê chuẩn vào năm 2001.

15 thành phần với cái tên "core - nòng cốt" đã hàm ý rằng Dublin Core là một tập hợp những thành phần nòng cốt, ngoài ra còn có thể tăng thêm những thành phần phụ cho mục đích riêng. Hơn nữa, những thành phần hiện hữu có thể được cải tiến xuyên qua việc sử dụng. Tất cả thành phần này đều có thể lặp lại khi cần thiết.

Chuẩn MARC được phát triển công phu, kiểm soát chặt chẽ, chi ly và bao hàm đến độ khá phức tạp, được tạo nên bởi những nhà biên mục học chuyên nghiệp chủ yếu để sử dụng trong thư viện truyền thống. Chuẩn Dublin Core chủ trương đơn giản hóa để có

thể áp dụng rộng rãi cho tài liệu thư viện số đối với những người không cần được huấn luyện biên mục thư viện. Hai chuẩn này không những chú ý đến giá trị đặc thù của mình mà còn lưu tâm đến những triết lý căn bản đối nghịch nhau một cách tuyệt đối. MARC mang tính chất truyền thống, trong khi Dublin Core mang tính hiện đại phù hợp với việc sử dụng công nghệ mới, do đó ngày càng được sử dụng rộng rãi. Cho đến khi Dublin Core được chính thức công nhận là một Chuẩn biên mục vào năm 2001, ngành biên mục tồn tại hai tiêu chuẩn biên mục: MARC 21 và Dublin Core.

Từ đó sự đối nghịch không những không còn tồn tại mà ngày càng nhiều chuyên gia tìm những giải pháp để chuyển đổi nhau: MARC sang Dublin Core và Dublin Core sang MARC.

Việc chuyển đổi MARC sang Dublin Core và Dublin Core sang MARC được thực hiện bằng những phần mềm chuyển đổi. Trong ngữ cảnh thông tin điện tử, các siêu dữ liệu thư tịch chuyển đổi đều có giá trị như nhau. Một phần mềm quản lý thư viện trong tương lai sẽ xuất ra cả hai dạng thức MARC và Dublin Core. Việc nhập vào MARC hay Dublin Core không gây trở ngại gì cho kết xuất đó; cho dù việc nhập vào là do bản thân thư viện hay



do trao đổi dữ liệu với các thư viện khác.

Vấn đề là chúng ta nên chọn MARC hay Dublin Core để biên mục cho phù hợp với điều kiện chúng ta và hướng đến một sự phát triển bền vững?

#### **4. Xây dựng Thư viện số là điều cần thiết và việc áp dụng phần mềm nguồn mở của UNESCO để xây dựng Thư viện số là cơ hội cho tất cả các thư viện Việt Nam hiện nay.**

Báo cáo viên mở đầu phần này bằng những định nghĩa về các loại hình thư viện:

- **Thư viện truyền thống** là thư viện lưu trữ và phục vụ tài liệu in ấn. Có thể sử dụng máy tính và CNTT để tự động hoá các hoạt động thư viện;
- **Thư viện điện tử** là Thư viện truyền thống có phục vụ thông tin điện tử. Thông tin điện tử được lưu trữ và đọc trên máy tính hay mạng máy tính;
- **Thư viện số** là Thư viện điện tử có tạo lập nên tài liệu điện tử. Tài liệu điện tử được hình thành dưới hình thức những Bộ sưu tập dạng kỹ thuật số.

Ngày nay, Internet chứa một lượng khổng lồ thông tin có ích, nhưng Web thiếu những đặc điểm sưu tầm và tổ chức thông tin. Người ta sàng lọc thông tin đó và tổ chức lại để xây dựng những sưu tập trong Thư viện số.

Nhu cầu sưu tập thông tin ngày càng cao khi khối lượng thông tin ngày càng trở nên quá tải, thông tin cần phải được chọn lọc để trở thành hữu ích và có ý nghĩa. Xây dựng Thư viện số để đáp ứng yêu cầu trên và là bắt đầu giai đoạn Quản lý tri thức.

Có ba kịch bản xây dựng thư viện số liên quan đến việc hình thành nguồn tài liệu:

- Xây dựng thư viện số trên cơ sở chuyển đổi một thư viện hiện hữu – số hoá tài liệu thư viện;
- Xây dựng thư viện số bằng cách thiết lập một bộ sưu tập điện tử bên cạnh sưu tập in ấn;

- Xây dựng thư viện số bằng cách cung cấp một cổng thông tin vào một sưu tập tài liệu điện tử đang hiện hữu trên Web.

Cả ba kịch bản trên đều được sử dụng đồng thời để xây dựng thư viện số.

Theo Ian H. Witten, chuyên gia Thư viện số ĐH Waikato, New Zealand, Thư viện số là tập hợp những bộ sưu tập thông tin của các đối tượng số hoặc đã được số hóa có tổ chức và tập trung. Tập trung theo đề tài hay chủ đề và có tổ chức để thông tin dễ truy cập và lưu trữ theo những tiêu chuẩn chuyên biệt cung cấp hai khả năng chính:

- Phương thức truy cập, chọn lọc, hiển thị tài nguyên số (dành cho người sử dụng);
- Phương thức xây dựng, tổ chức và lưu hành (dành cho cán bộ thư viện).

Một bộ sưu tập thông tin bao gồm nhiều tài liệu dưới nhiều dạng thức khác nhau: văn bản, hình ảnh, âm thanh, hình ảnh động. Tài liệu là đơn vị căn bản từ đó sưu tập thông tin được xây dựng. Một bộ sưu tập có thể chứa nhiều loại tài liệu khác nhau, tuy nhiên cung cấp một giao diện đồng nhất qua đó tất cả các tài liệu có thể được truy cập, mặc dù cách mà tài liệu đó hiển thị sẽ tùy thuộc vào phương tiện và dạng thức của tài liệu đó.

Một bộ sưu tập như thế trước khi trình bày phải qua một quá trình hình thành để tạo nên những cấu trúc hỗ trợ cho việc truy tìm và lướt tìm được dùng cho việc truy cập sưu tập. Khi xây dựng xong, bộ sưu tập có thể được xuất bản trên Internet hoặc xuất ra CD-ROM một cách hoàn toàn tự động. Một khi sưu tầm thêm tài liệu mới, ta có thể dễ dàng bổ sung thêm vào bộ sưu tập bằng cách tái xây dựng. Một thư viện nói chung bao gồm nhiều bộ sưu tập khác nhau, mỗi sưu tập tổ chức

mỗi khác, tuy nhiên hoàn toàn giống nhau về phương cách hiển thị. Những bộ sưu tập như thế có thể được tạo nên bằng một Phần mềm nguồn mở đa ngôn ngữ thư viện số Greenstone (Greenstone digital library multilingual open source software).

Greenstone là một bộ phần mềm dùng để xây dựng và phân phối các bộ sưu tập thư viện số. Nó cung cấp một phương pháp mới để tổ chức và xuất bản thông tin trên Internet hoặc trên CD-ROM. Cung cấp phương tiện dễ dàng cho người sử dụng truy tìm toàn văn và lướt tìm dựa vào metadata. Greenstone là sản phẩm của dự án **New Zealand Digital Library** của ĐH. Waikato, được phát triển và phân phối với sự tham gia của **UNESCO** và **Human Info NGO**.

Những bộ sưu tập thông tin được tạo ra bởi Greenstone có thể chứa một số lượng lớn những tài liệu (hàng ngàn cho đến hàng triệu) với một giao diện đồng nhất. Hiện nay, Greenstone được dùng rộng rãi trong thư viện của các trường đại học trên thế giới để hình thành Thư viện số. Phần mềm

Greenstone trên CD-ROM được Liên Hiệp Quốc và những cơ quan nhân đạo khác xuất bản và phân phối cho các quốc gia đang phát triển. Greenstone được dịch sang hơn 40 ngôn ngữ (đa ngôn ngữ) bao gồm: Anh, Pháp, Đức, Nga, Tây Ban Nha, Bồ Đào Nha, Italia, Hà Lan (Dutch), Ả-rập, Thổ Nhĩ Kỳ, Hebrew, Bosnia, Armenia, Ukraina, Farsi, Croatia, Serbia, Hindi, Trung Hoa, Nhật Bản, Thái Lan, Indonesia, vv... Phiên bản Greenstone Tiếng Việt cũng đã được phát hành và phổ biến trong hệ thống Greenstone trên thế giới.

Theo Richard Stallman, chủ tịch FSF (Free Software Foundation), Phần mềm tự do và Phần mềm nguồn mở là:

- Chương trình ta có thể chạy với bất cứ mục đích nào;
- Có thể chỉnh sửa cho phù hợp với yêu cầu của mình;
- Có thể chỉnh sửa và tái phân phối bản sao, có hoặc không có thu phí trên phần chỉnh sửa của mình.



The screenshot shows the Greenstone digital library interface. At the top left is the logo for 'Bộ sưu tập Tư tưởng' (NSL). To the right are navigation links: 'Trang chủ', 'Giúp đỡ', and 'Thuộc tính'. Below these is a large 'nhan đề' (Title) tab. A search bar contains the text 'tìm kiếm nhan đề tác giả đề mục'. The search results list several PDF documents:

-  CHUNG QUANH VẤN ĐỀ QUỐC HỌC  
(chungquanhvandequochoc.pdf)
-  "DÂN TỘC TÍNH" VÀ "QUỐC HỌC" ĐỐI MẶT VỚI Ý THỨC TÂY PHƯƠNG  
(dantoc tinhvaquochoc.pdf)
-  Ý NGHĨA CỦA VĂN KHOA VÀ KHOA HỌC NHÂN VĂN  
(ynghiacuavankhoa.pdf)
-  QUỐC HỌC  
(quochoc.pdf)
-  SINH HOẠT ĐẠI HỌC  
(sinhhoatdaihoc.pdf)
-  THUYỀN LA DÒNG SÔNG  
(thuyenladongsong.pdf)
-  TIẾNG NÓI CỦA CON NGƯỜI TRÊN MẶT ĐẤT  
(tiengnoiconnguoitrenmatdat.pdf)

Ví dụ một Bộ sưu tập thông tin được tạo lập bằng Greenstone

Phần mềm nguồn mở Greenstone có thể download để sử dụng miễn phí tại <http://greenstone.org>. Nếu dùng phiên bản Tiếng Việt thì phải trả phí dịch sang Tiếng Việt.

Báo cáo viên cũng trình bày sơ lược phương cách xây dựng bộ sưu tập bằng Greenstone với những ứng dụng chính:

- Dịch vụ Tham khảo: Sưu tầm tài liệu dưới tất cả mọi dạng thức, tổ chức thành bộ sưu tập thư viện số rồi xuất bản ra CD-ROM cho người sử dụng;
- Công tác địa chỉ: Sưu tầm tài liệu địa chỉ từ mẫu vật, di chỉ, hình ảnh, trang phục cho đến bài văn, tài liệu viết tay, vv..., số hoá rồi tổ chức thành bộ sưu tập để xuất bản trên Internet hay CD-ROM;
- Kho tài nguyên học tập trong trường đại học. Từng giảng viên hay nhà nghiên cứu, sưu tầm tài liệu theo chuyên ngành của mình, tổ chức thành bộ sưu tập rồi đóng góp cho thư viện một bản.

Báo cáo viên kết luận: Ở nước ta hiện nay, đa số còn là *Thư viện truyền thống*, một số đang hình thành *Thư viện điện tử*, tất cả đang đứng trước ngưỡng cửa *Thư viện số*; với việc sử dụng Phần mềm nguồn mở đa ngôn ngữ thư viện số Greenstone do UNESCO hỗ trợ là cơ hội cho tất cả thư viện trong các quốc gia đang phát triển nói chung và Việt Nam nói riêng xây dựng Thư viện số.

### **5. Một vài nét về việc ứng dụng CNTT tại các thư viện phía Nam.**

Ở phía Nam việc ứng dụng CNTT được tiến hành song song với việc thay đổi những giá trị cũ và chuẩn hóa công tác nghiệp vụ. Từ năm 1998, Câu lạc bộ thư viện phía Nam trước đây và FESAL sau này đã tổ chức nhiều đợt tập huấn nghiệp vụ thư viện đổi mới đã làm thay đổi hoàn toàn diện mạo thư

viện đại học phía Nam – trong đó việc ứng dụng CNTT được xem trọng.

Đa số các thư viện đại học lớn đang triển khai xây dựng thư viện điện tử. Một dự án liên kết 09 thư viện đại học trên địa bàn TP. HCM đang triển khai. Một số thư viện đang hình thành thư viện số với việc sử dụng phần mềm nguồn mở Greenstone. Chẳng hạn như Thư viện ĐH Khoa học Tự nhiên, Thư viện ĐH Kiến trúc, Thư viện ĐH Ngân hàng, Trung tâm Thông tin - Tư liệu ĐH Đà Nẵng, vv...

Vấn đề chung hiện nay là việc đầu tư xây dựng hạ tầng cơ sở và trang thiết bị quá lớn so với việc phát triển nguồn nhân lực. Do đó, vấn đề đổi mới đào tạo nguồn nhân lực đang được nhiều giới chức quan tâm. Như ý kiến của GS. Patricia Oyler phát biểu tại cuộc Hội thảo ***“Các dự án thư viện và trung tâm học liệu”*** tại Trung tâm học liệu ĐH Huế ngày 16/11/2004: *“Các Trung tâm học liệu, Thư viện, và Trung tâm thông tin được đầu tư để xây dựng to lớn với hạ tầng cơ sở hiện đại mà không có các chuyên gia được đào tạo và huấn luyện tốt để quản lý và hỗ trợ thầy giáo và sinh viên sử dụng chúng thì cũng chỉ là những tòa nhà; Các chuyên gia thông tin và thư viện được đào tạo có thể biến những tòa nhà này thành những trung tâm tri thức và học tập”*.

Sau gần bốn giờ làm việc trong không khí sôi động, cuộc hội luận kết thúc vào lúc 12:00 cùng ngày. Nhân dịp này PGS. TS. Hồ Sĩ Quý, Viện trưởng Viện Thông tin Khoa học Xã hội bày tỏ cảm tưởng mong có sự hợp tác lâu dài giữa Viện Thông tin KHXH với Thư viện ĐH Khoa học Tự nhiên TP. HCM trong tiến trình hiện đại hóa để kho tri thức không lồ về xã hội nhân văn của “Trường Viễn Đông Bác Cổ” phục vụ với hiệu quả cao hơn.

Hà Nội, 24/12/2005